TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06/6/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Tiến Hùng và ông Bà Hà Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh H. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Đinh Đăng X, sinh năm 1994; Nơi ĐKHKTT: Xóm 14 (nay là thôn 4), xã T, huyện K, tỉnh H. Hiện nay anh Đinh Đăng X đang lao động ở Nhật Bản, không rõ địa chỉ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Đinh Đăng X kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2013 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có sự tôn trọng nhau và hay bất đồng quan điểm sống. Tháng 4/2015 chị N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, khoảng 2 tháng sau anh X đến, anh chị nói chuyện với nhau rồi quyết định xin

bố mẹ anh X cho anh chị được thuê nhà ra sống riêng. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn cho nên đến cuối năm 2017 anh X đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau, nhưng sau đó do có nhiều bất đồng nên chị N không còn liên lạc với anh X từ tháng 11/2018 đến nay.

Theo hợp đồng lao động, anh X đi lao động tại Nhật Bản có thời hạn là 03 năm, đến nay đã hết thời hạn theo hợp đồng nhưng anh X vẫn chưa về, hiện tại địa chỉ cụ thể của anh X ở Nhật Bản chị N không biết. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Đinh Đăng X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Yến N, sinh ngày 18/11/2013, hiện cháu N đang ở với Chị N. Khi ly hôn chị N đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ntự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Đinh Đăng S (là bố đẻ anh Đinh Đăng X) cho biết: Anh X, chị N kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh H. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc cùng với gia đình ông và sinh được 01 con chung là cháu Đinh Yến N, sinh ngày 18/11/2013. Năm 2017 anh X đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng nhất là trong khoảng 01 năm gần đây. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông không nắm được. Anh X thỉnh thoảng có gọi điện qua mạng zalo về hỏi thăm gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ, số điện thoại của anh X bên Nhật Bản, nên ông S không cung cấp được địa chỉ, số điện thoại của anh X cho Tòa án. Nay chị N xin ly hôn anh X ông đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật. Anh, chị có 01 con chung là cháu N, hiện cháu đang ở với Chị N, khi ly hôn ông nhất trí giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng nếu chị N không đi lấy chồng, còn chị N đi lấy chồng thì đề nghị giao cháu cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, riêng, công nợ của vợ chồng anh chị ông không nắm được.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 123 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Kim N với anh Đinh Đăng X; về con chung: giao cho chị Ntiếp tục nuôi dưỡng cháu Đinh Yến N đến khi cháu trưởng thành; anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Anh Đinh Đăng X đang ở Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại công văn số 6086/QLXNC-P5 ngày 23/3/2022, của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện: Anh Đinh Đăng X, sinh ngày 20/7/1994, có thông tin xuất cảnh ngày 22/10/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị N và bố anh X là ông Đinh Đăng S đều cung cấp anh X đang sống ở Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh X thông qua bố đẻ của anh là ông Đinh Đăng S và tiến hành niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng cho anh X được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời Tòa án đã 02 lần yêu cầu bố đẻ anh X là ông Đinh Đăng S cung cấp địa chỉ cụ thể của anh X tại Nhật Bản và thông báo cho anh X biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Anh X không gửi bản tự khai, vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Đăng X theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Kim N:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N với anh Đinh Đăng X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2013 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh H. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị N do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2017 anh X đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, đến nay anh X chưa về. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh X. Xét thấy

mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn với anh X là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị N, anh X có 01 con chung là cháu Đinh Yến N, sinh ngày 18/11/2013, hiện nay cháu N đang ở với Chị N. Khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N trưởng thành, không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Đinh Yến N, sinh ngày 18/11/2013 cho Chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị N.

- Về tài sản chung, riêng, công nợ và các vấn đề khác: Chị N, anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vì anh X đang ở Nhật Bản không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi anh X, chị N phát sinh tranh chấp về việc nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 476 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Kim N với anh Đinh Đăng X.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Yến N, sinh ngày 18/11/2013 cho Chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2022 đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Đinh Đăng X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp anh X có tranh chấp về con chung, tài sản chung, riêng, công nợ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001478 ngày 11/3/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đinh Đăng X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn San